

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST

Ngày: 23-5-2025

V/v Tranh chấp Hợp đồng bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Mạnh Tường và ông Nguyễn Tiến Bộ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Linh - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2025, về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH C

Địa chỉ: Lô 29, KCN B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Minh T1

Địa chỉ: Tòa nhà FLC G số 18A P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội (*Theo giấy ủy quyền số 018/2025/GUQ ngày 19/01/2025 của Công ty TNHH C*). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần phát triển B

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Sỹ L (tên gọi khác Nguyễn Sĩ L) - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/10/2021 Công ty TNHH C (*sau đây gọi tắt là “Công ty C”*) là doanh nghiệp có chức năng kinh doanh, sản xuất, bán các loại thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia súc và gia cầm và Công ty cổ phần phát triển B (*sau đây gọi tắt là*

“Công ty B”) đã ký Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 242968/HD – 101021. Theo đó: Khi có nhu cầu mua cám loại nào thì ông L là người đại diện theo pháp luật của Công ty B sẽ là người liên hệ với Công ty TNHH C để đặt hàng. Công ty C sẽ báo lại cho ông L giá từng sản phẩm và tổng giá trị đơn hàng. Tùy theo tình hình tài chính từng lần đặt hàng, Công ty B có thể thanh toán toàn bộ giá trị đơn hàng hoặc nợ lại một phần.

Với từng lần mua hàng, Công ty TNHH C sẽ giao đầy đủ lượng hàng hoá khách hàng đã đặt hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng. Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày xuất hoá đơn. Hiện nay, Công ty B không còn lấy cám của Công ty C nữa nhưng vẫn còn công nợ tồn đọng phải thanh toán.

Tháng 10/2023, Công ty B với đại diện là ông Nguyễn Sỹ L có ký Biên bản đối chiếu kiểm tra công nợ khách hàng và xác nhận công nợ tính đến tháng 10/2023 là 3.948.375.005 đồng (*Ba tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm lẻ năm đồng*). Ngày 23/08/2024, thông qua thư bảo lãnh tại ngân hàng Agribank - Chi nhánh Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Công ty B đã thanh toán được một phần số công nợ nêu trên, cụ thể là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*).

Đến nay, Công ty cổ phần phát triển B sau khi được hưởng chiết khấu còn nợ Công ty TNHH C với số tiền là 1.819.542.945 đồng (*Một tỷ tám trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*). Từ tháng 09/2024 đến nay, Công ty TNHH C đã nhiều lần liên hệ để thống nhất phương án và lộ trình thanh toán. Về phía Công ty B cũng đã nhiều lần gửi Đơn đề nghị về việc giãn nợ với những lý do khó khăn khác nhau nhưng không có bất kỳ hành động thực tế nào thể hiện việc sẽ trả nợ. Vì thế, Công ty C cho rằng Công ty B đang cố tình kéo dài thời gian thanh toán công nợ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của mình.

Do vậy, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình Công ty TNHH C khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần phát triển B phải trả lại tài sản cho nguyên đơn, cụ thể là số tiền mua cám chưa thanh toán tính đến hết ngày 31/12/2024 là 1.819.542.945 đồng (*Một tỷ tám trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*). Công ty TNHH C không yêu cầu tính lãi số tiền này đến khi có Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Phía bị đơn Công ty cổ phần phát triển B, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Sỹ L trình bày: Ông Nguyễn Sỹ L là người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần phát triển Bình Minh xác nhận có ký Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 242968/HD – 101021 với Công ty TNHH C. Hai bên đã chốt nợ, hiện tại Công ty còn nợ tiền cám là 1.819.542.945 đồng (*Một tỷ tám trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*). Do tình hình dịch bệnh chưa có nguồn vốn để thanh toán trả cho Công ty C nên Công ty xin được trả nợ dần cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần phát triển Bình Minh phải trả cho với Công ty TNHH C tổng số tiền là 1.819.542.945 đồng (*Một tỷ tám trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*).

Đại diện VKSND huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Ngày 19/01/2025, Công ty TNHH C nộp đơn khởi kiện Công ty cổ phần phát triển B về Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 242968/HD – 101021 đã ký ngày 10/10/02021. Căn cứ theo Biên bản đối chiếu kiểm kê công nợ Công ty cổ phần phát triển B xác nhận còn nợ số tiền 1.819.542.000 đồng. Nay Công ty TNHH C khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần phát triển B thanh toán trả số tiền tính đến hết ngày 31/12/2024 là 1.819.542.945 đồng và không yêu cầu tính lãi số tiền này đến khi có Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Công ty cổ phần phát triển B phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại Công ty TNHH C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Công ty TNHH C yêu cầu Công ty cổ phần phát triển B phải thanh toán tiền cám cho Công ty Cargil theo Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 242968/HD - 101021 ký giữa hai bên ngày 10/10/02021. Do hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều vì mục tiêu lợi nhuận, nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp kinh doanh thương mại về mua bán hàng hóa” theo quy định tại Điều 3 Luật thương mại 2005, tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Bị đơn là Công ty cổ phần phát triển B, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Sỹ L có địa chỉ trụ sở tại Thôn T, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề giải quyết là phù hợp với quy định điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Sỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng:

Ngày 10/10/2021, Công ty TNHH C và Công ty cổ phần phát triển B đã ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 242968/HD - 101021. Hợp đồng được hai bên tự nguyện ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực trách nhiệm như quy định của Điều 24 Luật Thương mại. Vì vậy, xác định Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 242968/HD - 101021 là có giá trị và các bên cùng có nghĩa vụ thực hiện.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng và trách nhiệm thanh toán:

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH C đã nghiêm chỉnh thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung thỏa thuận. Nguyên đơn cung cấp hàng hóa theo đúng cam kết, bên mua bị đơn Công ty cổ phần phát triển B đã nhận hàng hóa đầy đủ và đã được Công ty TNHH Cargil Việt Nam xuất các Hóa đơn giá trị gia tăng theo từng đợt nhận hàng và xác nhận số tiền của từng đợt giao hàng.

Tính đến tháng 10/2023 Công ty TNHH C, Công ty cổ phần phát triển Bình Minh, người đại diện công ty ông Nguyễn Sỹ L có ký biên bản đối chiếu kiểm tra công nợ khách hàng và xác nhận Công ty cổ phần phát triển B còn nợ tiền cam là 3.948.375.005 đồng (*Ba tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm lẻ năm đồng*). Ngày 23/08/2024, thông qua thư bảo lãnh tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Công ty cổ phần phát triển B đã thanh toán được một phần số công nợ nêu trên là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*), số tiền Công ty phát triển Bình Minh sau khi được hưởng chiết khấu còn phải thanh toán cho Công ty C là 1.819.542.945 đồng (*Một tỷ tám trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*). Tuy nhiên, từ ngày đó đến nay Công ty cổ phần phát triển B không thanh toán trả thêm bất cứ khoản tiền nào. Công ty C Việt Nam đã nhiều lần gửi thông báo trả nợ, đơn đốc trả nợ, về phía Công ty cổ phần phát triển B có đơn xin giãn nợ nhưng Công ty Cargil không chấp nhận do khoản nợ đã quá hạn.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH C, Công ty cổ phần phát triển Bình Minh đều xác nhận Công ty cổ phần phát triển B nợ số tiền là 1.819.542.945 đồng (*Một tỷ tám trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*) là có căn cứ phù hợp quy định tại các điều 50, 55 Luật Thương mại nên được chấp nhận và buộc Công ty cổ phần phát triển Bình Minh còn phải thanh toán trả cho Công ty TNHH C số tiền là 1.819.542.945 đồng (*Một tỷ tám trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*).

Về yêu cầu tiền lãi: Công ty TNHH C không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ này đến khi Bản án/ Quyết định có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu nguyên đơn phù hợp quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Công ty cổ phần phát triển Bình Minh phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C được pháp luật bảo vệ, nên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH C đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24; 50; 55 Luật thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C đối với Công ty cổ phần phát triển B về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

2. Buộc Công ty cổ phần phát triển B do ông Nguyễn Sỹ L là người đại diện theo pháp luật phải thanh toán trả cho Công ty TNHH C số tiền nợ tính đến ngày 23/5/2025 là: 1.819.542.945 đồng (*Một tỷ tám trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Công ty cổ phần phát triển B phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 66.586.288 đồng (*Sáu mươi sáu triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm tám tám đồng*). Hoàn trả cho Công ty TNHH C 30.390.000 đồng (*Ba mươi triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0077169 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi

hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lã Phi Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

